

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2018

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh D

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm G.
2. Ông Nguyễn Quốc S.

* **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị D – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.

* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị B- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2017/TLST-DS, ngày 09/11/2017 về tranh chấp : “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 16/01/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V- sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: số nhà 173, phố Hoàng Hoa T, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Giáp Thị , sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh B.

- Anh Dương Văn B, sinh năm 1986 (vắng mặt)

* Đại diện theo ủy quyền của anh Dương Văn B:

- Chị Nguyễn Thị V- sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: số nhà 173, phố Hoàng Hoa Th, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 25/10/2017 của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị V trình bày:

Trong các ngày 05/12/2016 và ngày 10/12/2016 dương lịch, anh Nguyễn Văn T có mua các sản phẩm sơn, lót kiềm của vợ chồng anh chị với số tiền chưa thanh toán là 12.678.000 đồng, cụ thể:

- Phiếu giao hàng ngày 05/12/2016 anh Nguyễn Văn T mua hàng sản phẩm nguyên liệu sơn gồm:

+ Sơn lót kiềm trong vinado, số lượng 01 thùng, chứa 18 lít, đơn giá 1.478.000đồng, thành tiền 1.478.000 đồng.

+ Sơn bóng ngoại nền , số lượng 03 lon 05 lít, đơn giá 1.066.000 đồng thành tiền 3.198.000 đồng.

+ Sơn lót kiềm ngoại, số lượng 01 thùng đơn giá 2.160.000 đồng, thành tiền 2.160.000 đồng.

+ Sơn bóng ngoại chỉ, số lượng 01 lon, 05 lít, đơn giá 1.172.000 đồng, thành tiền 1.172.000 đồng.

+ Sơn nội bán bóng, số lượng 02 lon 05 lít, đơn giá 652.000 đồng, thành tiền 1.305.000 đồng.

+ Sơn nội thất bán bóng, số lượng 02 lon, 18 lít , đơn giá 2.296.000 đồng.

Thành tiền 9.540.000 đồng, trừ phần trăm là 25% số tiền phải thanh toán là 7.087.000 đồng.

+ Sơn lót kiềm ngoại Jotun 17 lít, số lượng 01 thùng, đơn giá 1.411.000 đồng.

+ Sơn siêu trắng 18 lít, số lượng 01 thùng, đơn giá 870.000 đồng.

Tổng cộng số tiền là 9.368.000 đồng.

- Hóa đơn bán hàng ngày 10/12/2016 anh Nguyễn Văn Tuấn mua hàng sản phẩm sơn, lót kiềm gồm:

+ Sơn ngoại bóng 261A, số lượng 01 lon, 05 lít, đơn giá 1.066.000 đồng thành tiền 1.066.000 đồng.

+ Sơn bóng nội thất bóng, số lượng 01 thùng 18 lít, đơn giá 3.347.000 đồng thành tiền 3.347.000 đồng. Tổng cộng là 4.413.000 đồng nhưng anh T được triết khấu 25% thành tiền là 3.310.000đồng.

Tổng cộng anh T phải thanh toán trả số tiền mua hàng của hai phiếu giao hàng là 12.678.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T là người ký nhận bên khách hàng tại 02 phiếu giao hàng trên.

Sau khi mua bán anh T đã nhận đủ số lượng thành phẩm sơn, lót kiềm mà chị V giao và anh T ký nhận tại phiếu giao hàng. Anh T hẹn đến 10/01/2017 sẽ thanh toán số tiền nợ mua sơn, lót kiềm là 12.678.000đồng. Đến hẹn anh T không trả mặc dù vợ chồng anh chị đã đến đòi nợ nhiều lần.

Nay chị V là nguyên đơn và đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của anh Dương Văn B yêu cầu anh T phải thanh toán trả số tiền mua sơn còn nợ là 12.678.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Chị V xác nhận là chị Giáp Thị H không tham gia mua bán sơn, không ký nhận vào phiếu giao hàng nên đề nghị Tòa án không đưa chị H vào tham gia tố tụng. Giữa chị V, anh B và anh T không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án.

* Tại bản tự khai ngày 16/01/2018 bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã thừa nhận anh có mua sơn và còn nợ anh B chị V số tiền 12.678.000 đồng, anh có ký tên vào phiếu giao hàng, anh không dùng sơn, lót kiềm mua của anh B, chị V vào việc gia đình anh mà sử dụng cho khách hàng. Anh xác nhận còn nợ số tiền trên và có trách nhiệm trả nợ nhưng do làm ăn khó khăn nên xin trả dần. Anh T xác định vợ anh là chị Giáp Thị H không tham gia giao dịch mua bán sơn, lót kiềm nên đề nghị Tòa án không đưa chị H vào tham gia tố tụng. Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Tại bản tự khai ngày 04/01/2018 chị Giáp Thị H vợ anh T trình bày: Chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị và chồng chị là anh T. Chị H xác định việc anh T mua bán sơn tại cửa hàng sơn của anh B, chị V thì chị không được biết. Anh T mua sơn không mang về sử dụng vào việc gia đình, chị không được biết về việc mua bán sơn, không ký vào phiếu giao nhận hàng nên không liên quan gì đến chị nên đề nghị không đưa chị vào tham gia tố tụng và chị có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Dương Văn B có bản tự khai anh thống nhất với vợ anh là chị Vui và yêu cầu anh T thanh toán trả vợ chồng anh số tiền mua sản phẩm sơn, lót kiềm còn nợ là 12.678.000 đồng. Anh ủy quyền cho vợ là Nguyễn Thị V tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 13/11/2017.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn T, chị Giáp Thị H không có mặt để tham gia. Các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Chị V là nguyên đơn và đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 194; Điều 430; Điều 431; Điều 433; Điều 434; Điều 440; Điều 357, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1- Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả vợ chồng chị Nguyễn Thị V, anh Dương Văn B tổng số tiền là: 12.678.000 đồng.

2- Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 633.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án này thì các đương sự đã được tổng đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 16/QĐ-CCTLCC, ngày 20/12/2017 về yêu cầu cung cấp toàn bộ các giấy tờ liên quan đến số tiền nợ mua sơn, lót kiềm 12.678.000 đồng, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị V, anh Dương Văn B và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án nhưng anh T, chị H không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên anh T, chị H phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa anh T, chị H đều có đơn xin vắng mặt, anh B do chị V đại diện nên căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt anh T, chị H, anh B là đúng quy định.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nay chị Nguyễn Thị V kiện đòi anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả khoản tiền mua sản phẩm sơn, lót kiềm chưa thanh toán 12.678.000 đồng, đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: anh Nguyễn Văn T mua bán sơn, lót kiềm và ký nhận với bên bán tại phiếu giao hàng ghi ngày 05/12/2016 và ngày 10/12/2016. Sau khi thực hiện việc mua bán xong anh T không thực hiện việc trả tiền, anh B, chị V đã đòi nhiều lần nhưng chưa trả. Ngày 25/10/2017, chị V nộp đơn khởi kiện. Như vậy việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị V là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điều 149 Bộ luật dân sự.

[5] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là 01 phiếu giao hàng ngày 05/12/2016 và 01 hóa đơn bán hàng ngày 10/12/2016 có chữ ký của người nhận hàng, khách hàng là anh Nguyễn Văn T ký nhận hàng của anh Dương Văn B, chị Nguyễn Thị V và chưa thanh toán. Căn cứ vào phiếu giao hàng và hóa đơn bán hàng đã xác lập giữa các bên và quá trình làm việc giữa các bên thì thấy đây là hợp đồng mua bán tài sản mà cụ thể hàng hóa là thành phẩm sơn, lót kiềm.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào chứng cứ là phiếu giao hàng và hóa đơn bán hàng trên phù hợp lời khai của anh B, chị V là người bán hàng và lời khai của anh T là người mua hàng, có thừa nhận số tiền chưa thanh toán là 12.678.000 đồng. Như vậy, có cơ sở khẳng định việc mua bán sơn, lót kiềm giữa anh Dương Văn B, chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn T là có thật. Anh B, chị V có bán sơn, lót kiềm cho anh T với tổng số tiền là 12.678.000 đồng. Anh B, chị V, anh T cũng đều xác định số tiền mua hàng chưa thanh toán 12.678.000 đồng. Các bên đương sự không có tranh chấp về số lượng, chất lượng và giao nhận tài sản là sơn, lót kiềm mà chỉ tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán, đến nay bị đơn thừa nhận nghĩa vụ thanh toán. Nên cần chấp nhận yêu cầu, buộc anh Nguyễn Văn T thanh toán cho vợ chồng anh Dương Văn B, chị Nguyễn Thị V số tiền mua sơn, lót kiềm chưa thanh toán là 12.678.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[7] Chị V, anh B, chị H, anh T đều xác định việc mua bán sơn, lót kiềng trên không liên quan đến chị Giáp Thị H (vợ anh T) nên không đưa vào tham gia tố tụng và không buộc trả nợ là đúng.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại chị Nguyễn Thị V tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 194; Điều 430; Điều 431; Điều 433; Điều 434; Điều 440; Điều 357, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả vợ chồng anh Dương Văn B, chị Nguyễn Thị V với tổng số tiền là: 12.678.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2- Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 633.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Nguyễn Thị V số tiền 316.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2016/000394 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**